



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV)

Khung Khoản vay Bền vững 2.0

THÁNG 01 NĂM 2026





MỤC LỤC

Quy ước viết tắt và giải thích từ ngữ	05
01 Giới thiệu	11
02 Khung Khoản vay bền vững của BIDV	15
2.1 Phạm vi của Khung	16
2.1.1. Cấu phần của Khung	17
2.1.2. Mục tiêu của Khung	17
2.2. Vai trò và Trách nhiệm phát triển Khung Khoản vay bền vững	18
2.3. Các cấu phần chính của Khoản vay Chủ đề	19
2.3.1. Mục đích sử dụng vốn vay	19
2.3.1.1. Tiêu chí loại trừ	19
2.3.2. Quy trình Đánh giá và Lựa chọn Dự án/Phương án kinh doanh	20
2.3.3. Quản lý sử dụng vốn vay	22
2.3.4. Báo cáo	23
2.4. Các cấu phần chính của Khoản vay liên kết bền vững	24
2.4.1. Lựa chọn KPI	24
2.4.2. Điều chỉnh SPT	25
2.4.3. Đặc điểm của khoản vay	29
2.4.4. Báo cáo	29
2.4.5. Xác minh	30
2.5. Các sửa đổi đối với Khung Khoản vay bền vững	31
2.6. Đánh giá độc lập từ bên thứ ba	31
Phụ lục I - Tiêu chí loại trừ	34
Phụ lục II - Tiêu chí đủ điều kiện của dự án/phương án kinh doanh xanh	35
Phụ lục III - Tiêu chí đủ điều kiện của dự án/phương án kinh doanh xã hội	49
Phụ lục IV - Các lĩnh vực tác động và chỉ số báo cáo tương ứng	51



Quy ước viết tắt và giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ và chữ viết tắt trong Khung này được sắp xếp theo nhóm nội dung để thuận tiện cho việc tra cứu.

1. Quy ước viết tắt

Tên viết tắt	Diễn giải
Tên các hiệp hội	
APLMA	Hiệp hội Thị trường Vay Châu Á - Thái Bình Dương (Asia Pacific Loan Market Association)
LMA	Hiệp hội Thị trường Vay (Loan Market Association)
LSTA	Hiệp hội Kinh doanh Vốn và Cho vay Hợp vốn (Loan Syndications and Trading Association)
Tên các nguyên tắc	
GLP	Nguyên tắc Khoản vay xanh (Green Loan Principles)
SLP	Nguyên tắc Khoản vay xã hội (Social Loan Principles)
SLLP	Nguyên tắc Khoản vay liên kết bền vững (Sustainability-Linked Loan Principles)
Thuật ngữ liên quan Khoản vay liên kết bền vững	
SLL	Khoản vay liên kết bền vững (Sustainability-Linked Loans)
KPI	Chỉ số đo lường hiệu quả chính (Key Performance Indicators)
SPT	Mục tiêu hiệu quả bền vững (Sustainability Performance Targets)
Các thuật ngữ chung	
Khung	Khung Khoản vay bền vững (Sustainable Loan Framework)
SDGs	Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (United Nations Sustainable Development Goals)
GHG	Khí nhà kính (Greenhouse Gases)
SPO	Ý kiến đánh giá độc lập của bên thứ ba (Second Party Opinion)
MTXH	Môi trường xã hội



2. Giải thích từ ngữ

Khái niệm	Định nghĩa
Nguyên tắc Khoản vay xanh ("GLP")	<p>Là bộ nguyên tắc do LMA, LSTA và APLMA đồng ban hành (phiên bản tháng 03/2025).</p> <p>GLP bao gồm các hướng dẫn mang tính khuyến nghị và tự nguyện áp dụng, đồng thời thiết lập một khuôn khổ rõ ràng, giúp tất cả các bên tham gia thị trường hiểu rõ đặc điểm của khoản vay xanh, dựa trên bốn trụ cột cốt lõi sau:</p> <p>(i) Mục đích sử dụng vốn vay (ii) Quy trình Đánh giá và lựa chọn dự án (iii) Quản lý sử dụng vốn vay (iv) Báo cáo</p>
Nguyên tắc Khoản vay Xã hội ("SLP")	<p>Là bộ nguyên tắc do LMA, LSTA và APLMA đồng ban hành (phiên bản tháng 03/2025).</p> <p>SLP bao gồm các hướng dẫn mang tính khuyến nghị và tự nguyện áp dụng, đồng thời thiết lập một khuôn khổ rõ ràng, giúp tất cả các bên tham gia thị trường hiểu rõ đặc điểm của khoản vay xã hội, dựa trên bốn trụ cột cốt lõi sau:</p> <p>(i) Mục đích sử dụng vốn vay (ii) Quy trình Đánh giá và lựa chọn dự án (iii) Quản lý sử dụng vốn vay (iv) Báo cáo</p>
Nguyên tắc Khoản vay liên kết bền vững ("SLLP")	<p>Là bộ nguyên tắc do LMA, LSTA và APLMA đồng ban hành (phiên bản tháng 03/2025).</p> <p>SLLP bao gồm các hướng dẫn mang tính khuyến nghị và tự nguyện áp dụng, đồng thời thiết lập một khuôn khổ rõ ràng, giúp tất cả các bên tham gia thị trường hiểu rõ đặc điểm của khoản vay liên kết bền vững, dựa trên năm trụ cột cốt lõi sau:</p> <p>(i) Lựa chọn KPI (ii) Điều chỉnh SPT (iii) Đặc điểm khoản vay (iv) Báo cáo (v) Xác minh</p>
Khoản vay liên kết bền vững ("SLL")	Là khoản vay mà các điều kiện (ví dụ: lãi suất) có thể thay đổi tùy thuộc vào việc Bên vay đạt được các SPT đã xác định trước. SPT của Bên vay được đo lường bằng các KPI.
Chỉ số đo lường hiệu quả chính ("KPI")	Là các chỉ số, được xác định theo phương pháp tính toán, dùng để đánh giá mức độ đạt được các SPT do Bên vay và Ngân hàng thỏa thuận.

Khái niệm	Định nghĩa
Mục tiêu hiệu quả bền vững ("SPT")	Là các mục tiêu về bền vững mà Bên vay phải đạt được tại mỗi Kỳ tham chiếu SLL trong quá trình thực hiện Khoản vay liên kết bền vững.
Khoản vay chủ đề	Bao gồm Khoản vay xanh, Khoản vay xã hội và Khoản vay bền vững; là khoản vay mà vốn vay được sử dụng để tài trợ cho các dự án/phương án kinh doanh có tác động tích cực đến môi trường và xã hội.
Tài sản đủ điều kiện	Là các tài sản xanh và/hoặc tài sản xã hội đủ điều kiện, có thể được cấp vốn trong từng hạng mục dự án/phương án kinh doanh đủ điều kiện, theo quy định tại Khung này.





01

Giới thiệu



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), thành lập năm 1957, là một trong những định chế tài chính hàng đầu, giữ vai trò trụ cột trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Trải qua 69 năm xây dựng và phát triển, BIDV không ngừng khẳng định vững chắc vị thế dẫn đầu về quy mô hoạt động, năng lực tài chính, mạng lưới giao dịch và chất lượng dịch vụ. Với tổng tài sản đạt hơn 3,25 triệu tỷ đồng (tương đương hơn 123 tỷ USD) tính đến cuối năm 2025, BIDV hiện là ngân hàng thương mại có quy mô lớn nhất Việt Nam, cung cấp danh mục sản phẩm và dịch vụ tài chính toàn diện cho hàng triệu khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước.

Với quy mô tín dụng lớn và định hướng phát triển dài hạn gắn với tăng trưởng xanh, BIDV đã công bố và triển khai đồng bộ Khung Khoản vay bền vững, Khung Trái phiếu xanh và Khung Trái phiếu bền vững. Các Khung này đều được tổ chức quốc tế cung cấp ý kiến đánh giá độc lập (SPO) với mức xếp hạng cao, qua đó khẳng định tính minh bạch, mức độ tin cậy và sự phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

Bên cạnh đó, BIDV luôn tiên phong triển khai các sản phẩm tín dụng xanh, ưu tiên bố trí nguồn vốn để tài trợ cho các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng phát thải carbon thấp, các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Thông qua đó, BIDV góp phần thúc đẩy chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và năng lượng, đồng thời thể hiện trách nhiệm của Ngân hàng đối với cộng đồng và xã hội. Tính đến 31/12/2025, dư nợ tín dụng xanh của BIDV đạt 82.332 tỷ đồng, tài trợ cho 2.502 dự án và phương án với 1.789 khách hàng. Những con số trên khẳng định BIDV là một trong những ngân hàng dẫn đầu thị trường về tín dụng xanh, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tài chính bền vững và hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

Khung Khoản vay bền vững được BIDV xây dựng từ 2023, được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc quốc tế, cho phép BIDV cung cấp các khoản vay hướng tới các dự án/phương án kinh doanh xanh, xã hội và

bền vững, các khoản vay liên kết bền vững nhằm cải thiện hoạt động bền vững của Bên vay. Các lĩnh vực tác động đến môi trường và xã hội liên quan đến các khoản vay chủ đề trong Khung được liên kết với các ưu tiên phát triển bền vững của Việt Nam và sẽ định hướng các quy trình nội bộ của Ngân hàng từ giai đoạn đề xuất tín dụng đến các giai đoạn giám sát và báo cáo.

Phiên bản hiện tại (Version 2.0) của Khung được BIDV cập nhật và công bố năm 2026, nhằm phản ánh những thay đổi quan trọng trong chính sách quốc gia và xu hướng thị trường tài chính bền vững. Cụ thể, ngày 04/7/2025, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg quy định về tiêu chí môi trường và xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa và định hướng dòng vốn xanh tại Việt Nam.

Phiên bản Khung mới này đồng thời giúp BIDV hài hòa giữa khung pháp lý quốc gia với các chuẩn mực quốc tế, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả khi triển khai các sản phẩm tài chính bền vững, qua đó hỗ trợ khách hàng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để chuyển dịch sang mô hình phát triển xanh.





02

**Khung Khoản vay
bền vững của BIDV**

2.1. Phạm vi của Khung

Khung này được BIDV áp dụng đối với:

- **Khoản vay chủ đề**, là khoản vay được sử dụng để tài trợ cho các dự án/phương án kinh doanh bền vững mang lại tác động tích cực lâu dài tới môi trường và xã hội, được đánh giá thông qua các tiêu chí định lượng và/hoặc định tính

- **Khoản vay liên kết bền vững**, là khoản vay có cơ chế điều chỉnh điều kiện cho vay dựa trên mức độ thực hiện các Mục tiêu hiệu quả bền vững đã xác định.

Khung được xây dựng dựa trên các Nguyên tắc GLP, SLP và SLLP do LMA, LSTA và APLMA đồng ban hành (phiên bản tháng 03/2025) nhằm thúc đẩy sự minh bạch và công khai trên thị trường tài chính bền vững.

2.1.1. Cấu phần của Khung

NGUYÊN TẮC GLP VÀ SLP	NGUYÊN TẮC SLLP
Khoản vay xanh và Khoản vay xã hội	Khoản vay liên kết bền vững
Mục đích sử dụng vốn vay	Lựa chọn KPI
Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án/ phương án kinh doanh	Điều chỉnh SPT
Quản lý sử dụng vốn vay	Đặc điểm khoản vay
Báo cáo	Báo cáo
	Xác minh

2.1.2. Mục tiêu của Khung

Mục tiêu của Khung là đưa ra danh mục các dự án/phương án kinh doanh đủ điều kiện và nguyên tắc để tài trợ:

a) **Khoản vay chủ đề** - Khoản cho vay¹ được xác định bằng việc sử dụng vốn vay cho các dự án/ phương án kinh doanh có tác động tích cực đến môi trường (Khoản vay xanh), xã hội (Khoản vay xã hội); hoặc cả môi trường và xã hội (Khoản vay bền vững); và

b) **Khoản vay liên kết bền vững** – Khoản cho vay được thiết kế nhằm khuyến khích Bên vay cải thiện hiệu quả hoạt động bền vững bằng cách gắn điều kiện khoản vay (ví dụ: lãi suất cho vay) với mức độ đạt được các SPT, được đo lường bằng các KPI đã xác định.

Bảng 1 dưới đây tóm tắt các loại hình khoản vay trong Khung Khoản vay bền vững.

KHUNG KHOẢN VAY BỀN VỮNG	
<p>Khoản vay chủ đề Liên kết với nguyên tắc GLP và SLP</p> <p>Khoản vay xanh Khoản vay xã hội</p> <p>Khoản vay bền vững</p>	<p>Khoản vay liên kết bền vững Nguyên tắc SLLP</p>

Bảng 1: Tóm tắt các loại hình khoản vay trong Khung

¹ Dưới các hình thức Cho vay từng lần, Cho vay hợp vốn, Cho vay theo hạn mức, v.v.



2.2. Vai trò và Trách nhiệm phát triển Khung Khoản vay bền vững

Ban điều hành BIDV sẽ chịu trách nhiệm cuối cùng về Khung Khoản vay bền vững này. Trách nhiệm của Ban điều hành bao gồm:

- ✦ Phê duyệt việc điều chỉnh Khung Khoản vay bền vững và Quy trình nội bộ phù hợp với sự phát triển của thị trường hoặc các cơ chế quản lý hiện hành nhằm đảm bảo tính phù hợp với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, cũng như các ưu tiên phát triển bền vững của BIDV; và
- ✦ Phê duyệt báo cáo về việc triển khai theo Khung Khoản vay bền vững và các Nguyên tắc GLP, SLP, SLLP.



Đơn vị quản lý khung trực thuộc Trụ sở chính BIDV là Đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, phát triển và triển khai các hoạt động liên quan đến Khung Khoản vay bền vững, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hoạt động như sau:

- ✦ Duy trì, phát triển và cập nhật Khung Khoản vay bền vững, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế cũng như các hoạt động liên quan;
- ✦ Thiết kế, xây dựng và vận hành quy trình đánh giá, lựa chọn, phân loại và giám sát các Khoản vay chủ đề và SLL;
- ✦ Rà soát và phân loại lại các Khoản vay chủ đề và SLL trong trường hợp dự án hoặc Bên vay không còn đáp ứng được các tiêu chí theo Khung;
- ✦ Theo dõi việc sử dụng vốn vay đối với Khoản vay chủ đề và hiệu quả hoạt động của Bên vay so với các SPT được xác định trước đó đối với SLL.

2.3. Các cấu phần chính của Khoản vay Chủ đề

2.3.1. Mục đích sử dụng vốn vay

Khoản vay chủ đề theo Khung này phải được sử dụng để tài trợ toàn bộ hoặc một phần cho các dự án/phương án kinh doanh mới, hoặc cho vay bù đắp tài chính cho các dự án hiện tại đáp ứng được các Tiêu chí đủ điều kiện dự án/phương án kinh doanh xanh (quy định tại Phụ lục II) và/hoặc Tiêu chí đủ điều kiện dự án/phương án kinh doanh xã hội (quy định tại Phụ lục III).

Các dự án/phương án kinh doanh xanh và/hoặc xã hội được tài trợ bởi khoản vay chủ đề cũng phải đáp ứng quy trình đánh giá điều kiện (Mục 2.3.2 Quy trình Đánh giá và Lựa chọn Dự án/Phương án kinh doanh) được định nghĩa trong Khung.

Trong trường hợp vốn vay được sử dụng toàn bộ hoặc một phần để cho vay bù đắp tài chính, Bên vay ước tính tỷ trọng của từng cấu phần giải ngân mới và cấu phần cho vay bù đắp tài chính, làm rõ các khoản đầu tư hoặc danh mục dự án nào có thể được cho vay bù đắp tài chính. Việc cho vay bù đắp tài chính áp dụng với các chi phí đầu tư dự án đã phát sinh

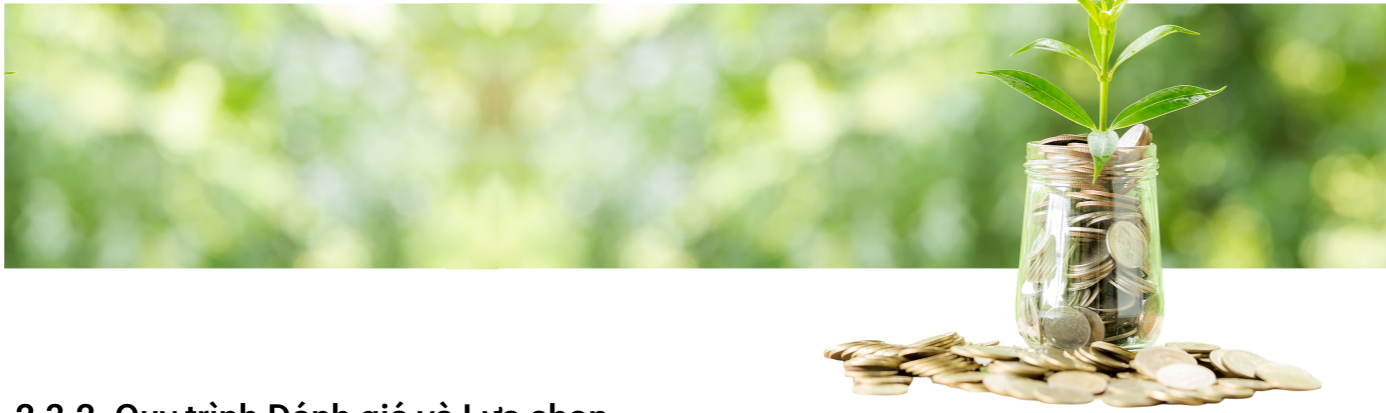
không quá 24 tháng từ thời điểm Bên vay sử dụng vốn tự có (không bao gồm vốn vay cá nhân, tổ chức) để thanh toán đến thời điểm giải ngân.

Các hạng mục dự án/phương án kinh doanh đáp ứng các tiêu chí tại Phụ lục II và Phụ lục III được coi đủ điều kiện theo Khung này. Các khoản vay theo hạn mức có thể được xếp vào diện hợp lệ nếu toàn bộ giá trị giải ngân khoản vay được sử dụng cho phương án kinh doanh hoặc cho cấu phần của dự án đáp ứng được các tiêu chí hợp lệ của Khung này. Trong trường hợp đó, các khoản vay xanh/xã hội này phải được xác định rõ ràng và theo dõi bằng một tài khoản riêng biệt.



2.3.1.1. Tiêu chí loại trừ

Các dự án/phương án kinh doanh hoặc Bên vay có liên quan đến các hoạt động được quy định tại Phụ lục I không đủ điều kiện đăng ký khoản vay chủ đề theo Khung này.



2.3.2. Quy trình Đánh giá và Lựa chọn Dự án/Phương án kinh doanh

Để đảm bảo Khoản vay chủ đề đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện của Khung, BIDV đã thiết lập quy trình quản trị để đánh giá và lựa chọn dự án/phương án kinh doanh. Hồ sơ vay vốn của khoản vay chủ đề được ban hành theo Khung này phải đồng thời:

- ❁ Phải được đánh giá rủi ro Môi trường và rủi ro Xã hội (nếu có) trong quá trình phê duyệt tín dụng.
- ❁ Đáp ứng đầy đủ các quy định cấp tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của BIDV từng thời kỳ.
- ❁ Nằm ngoài các tiêu chí loại trừ (quy định tại Phụ lục I).
- ❁ Đảm bảo rằng dự án/phương án kinh doanh được tài trợ đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện của BIDV (quy định tại Phụ lục II và III).

Để lựa chọn và phê duyệt dự án/phương án kinh doanh đủ điều kiện cho khoản vay chủ đề, BIDV sẽ thông qua quy trình như sau:

- ❁ Bộ phận Quản lý Khách hàng tại Chi nhánh/Ban Khách hàng, căn cứ trên hồ sơ vay vốn, tài liệu Khách hàng cung cấp, kiểm tra tiêu chí loại trừ, đánh giá rủi ro Môi trường và rủi ro Xã hội (nếu có), đối chiếu với các tiêu chí trong Khung.
- ❁ Các hồ sơ vay vốn sẽ trải qua quy trình phê duyệt cấp tín dụng và/hoặc quy trình lựa chọn và phê duyệt dự án/phương án kinh doanh đủ điều kiện cho Khoản vay chủ đề theo các hướng dẫn nội bộ của BIDV từng thời kỳ.
- ❁ Các tài sản đủ điều kiện được phê duyệt sau đó sẽ được đánh dấu để theo dõi và giám sát.



BIDV khuyến khích Bên vay cung cấp các thông tin sau (nếu có):

- ❁ Các thông tin liên quan đến mục tiêu, chiến lược, chính sách và/hoặc quy trình về môi trường và phát triển bền vững hiện hành;
- ❁ Các mục tiêu bền vững và chỉ số báo cáo tác động về môi trường được sử dụng (tham khảo danh sách các chỉ số tại Phụ lục IV);
- ❁ Các quy trình quản lý rủi ro MTXH của Bên vay;
- ❁ Quy trình và bằng chứng hỗ trợ để xác định các dự án/phương án kinh doanh của Bên vay phù hợp với tiêu chí đủ điều kiện nêu tại Phụ lục II và III;

❁ Bất kỳ tiêu chuẩn hoặc chứng nhận xanh và/hoặc xã hội nào mà Bên vay đang tuân thủ;

❁ Các tiêu chí đủ điều kiện liên quan, bao gồm, nếu có, các tiêu chí loại trừ hoặc bất kỳ quy trình nào khác được áp dụng để xác định và quản lý các rủi ro trọng yếu tiềm ẩn về MTXH liên quan đến dự án/phương án kinh doanh được đề xuất;

❁ Các hạng mục dự án/phương án kinh doanh đủ điều kiện trong bất kỳ nguyên tắc phân loại tài chính bền vững nào mà Bên vay đang tuân theo.



2.3.3. Quản lý sử dụng vốn vay

BIDV sẽ ghi nhận và theo dõi danh sách các khoản vay chủ đề được ban hành theo Khung này. Đối với mỗi Khoản vay chủ đề, BIDV sẽ ghi lại các thông tin sau:

- Tên của Bên Vay
- Mô tả dự án/phương án kinh doanh;
- Dự án/Phương án kinh doanh thuộc các hạng mục đủ điều kiện;
- Tổng hạn mức được duyệt;
- Tổng dư nợ tín dụng;
- Ngày đáo hạn khoản vay;
- Thông tin đảm bảo.

Ngân hàng cũng sẽ lưu các tài liệu hỗ trợ (ví dụ: hóa đơn được chứng thực và/hoặc hóa đơn mua hàng hóa và dịch vụ đạt tiêu chuẩn xã hội/xanh) mà Bên vay cung cấp cho Ngân hàng trong mỗi lần rút vốn. Bất cứ thay đổi nào về mục đích sử dụng vốn của Bên vay phải được phía Ngân hàng phê duyệt trước.

Số tiền giải ngân của các Khoản vay chủ đề phải được theo dõi bằng một tài khoản riêng biệt dựa

trên các tài liệu chứng minh nhằm duy trì tính minh bạch và thúc đẩy tính toàn vẹn của sản phẩm. Trong trường hợp Khoản vay chủ đề chia ra dưới hình thức một hoặc nhiều cấu phần cho vay, mỗi cấu phần vay cho các dự án xanh/xã hội phải được theo dõi bằng một tài khoản riêng.

Ngân hàng khuyến nghị Bên vay thiết lập một quy trình quản trị nội bộ, qua đó có thể theo dõi việc giải ngân vốn cho các dự án xanh và/hoặc xã hội. Quy trình quản trị nội bộ này nên được công bố công khai hoặc thông báo chính thức tới ngân hàng.

Định kỳ hàng năm, BIDV rà soát các khoản vay đã được giải ngân, rà soát các tiêu chí đủ điều kiện của dự án/phương án kinh doanh. Trường hợp dự án/phương án kinh doanh không còn đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện của Khoản vay chủ đề, khoản vay sẽ được phân loại lại là khoản vay thông thường. Bên vay được yêu cầu cung cấp các hồ sơ liên quan đến dự án/phương án kinh doanh và các yêu cầu cung cấp thông tin này phải được đưa vào Hợp đồng cấp tín dụng.

2.3.4. Báo cáo

Hàng năm, BIDV sẽ báo cáo về việc phân bổ vốn cho những khoản vay chủ đề và tác động của các dự án/phương án kinh doanh. Báo cáo phân bổ và báo cáo tác động đều được công bố trong Báo cáo Phát triển Bền vững, được đề cập trong Báo cáo Thường niên của BIDV.

Theo yêu cầu về báo cáo của BIDV, Ngân hàng sẽ yêu cầu Bên vay duy trì và cập nhật thông tin thay đổi về việc sử dụng vốn vay định kỳ hoặc khi có những thay đổi trọng yếu. Thông tin này bao gồm danh sách các dự án/phương án kinh doanh xanh và/hoặc xã hội đã được tài trợ theo khoản vay chủ đề, mô tả sơ bộ về các dự án/phương án kinh doanh, tổng vốn vay được giải ngân và tác động kỳ vọng (nếu có). Trong trường hợp dự án/phương án kinh doanh có nội dung bị hạn chế công khai, thông tin có thể được trình bày theo các thuật ngữ chung hoặc trên cơ sở danh mục dự án/phương án kinh doanh tổng hợp.

BIDV khuyến khích Bên vay công bố phương pháp luận và/hoặc các giả định được sử dụng để xác định số liệu định lượng tại các báo cáo định kỳ của Bên

vay như Báo cáo thường niên hoặc Báo cáo bền vững. Bên vay có thể tham khảo sử dụng các chỉ số báo cáo tác động được liệt kê trong Phụ lục IV².

²Các chỉ số báo cáo tác động đã được điều chỉnh từ Sổ tay của ICMA – Handbook Harmonised Framework for Impact Reporting (June, 2024) và ICMA's Working Towards a Harmonized Framework for Impact Reporting for Social Bonds (June, 2020).



2.4. Các cấu phần chính của Khoản vay liên kết bền vững

SLL là công cụ linh hoạt để tài trợ bền vững, được thiết kế dựa trên các chiến lược phát triển bền vững của Bên vay. SLL là lựa chọn phù hợp cho doanh nghiệp mong muốn cải thiện các khía cạnh cụ thể trong hoạt động tạo ra giá trị bền vững. Hiệu quả phát triển bền vững của Bên vay sẽ được đo lường bằng cách sử dụng KPI và SPT.

2.4.1. Lựa chọn KPI

Bên vay phải đưa ra chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững tổng thể rõ ràng và chứng minh mối liên hệ giữa các mục tiêu bền vững của họ và các SPT đã được thống nhất với Ngân hàng.

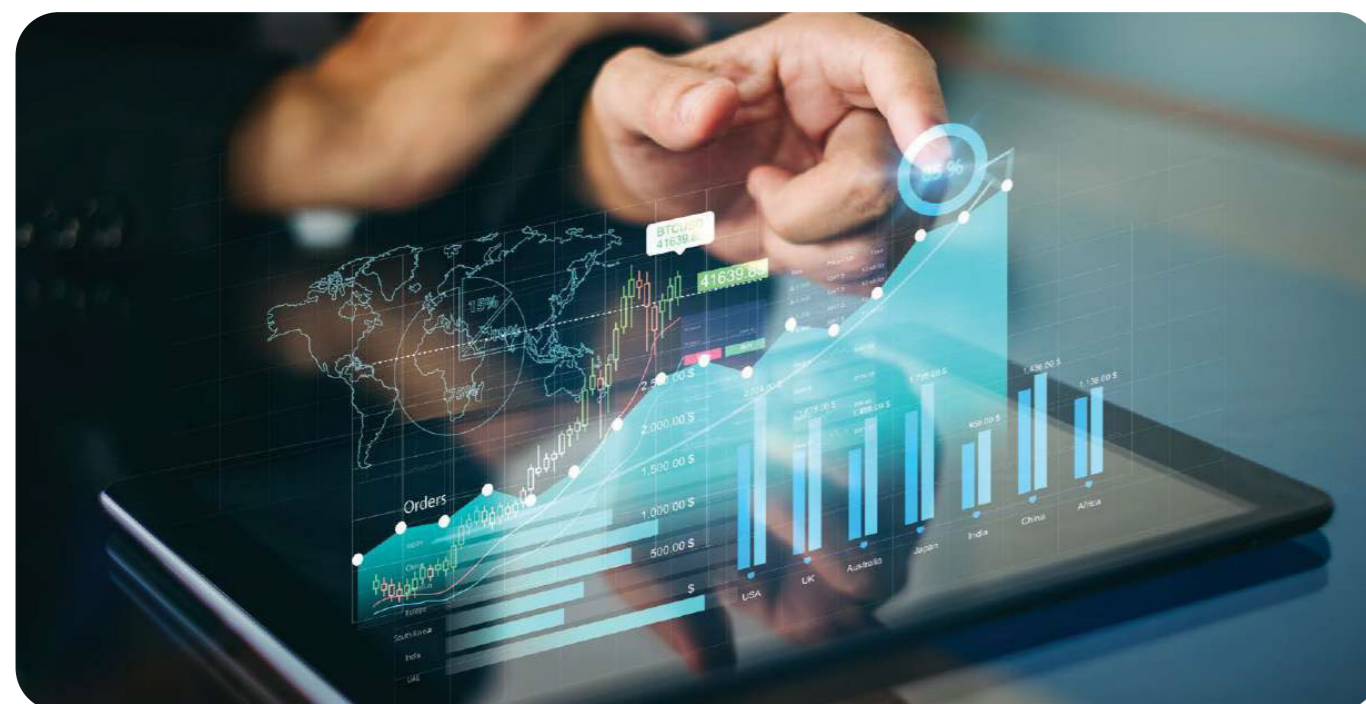
Các KPI phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- ✦ Thích hợp, cốt lõi và trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh tổng thể của Bên vay, có ý nghĩa chiến lược cao đối với hoạt động hiện tại và/hoặc tương lai của Bên vay;
- ✦ Có thể đo lường hoặc định lượng được trên cơ sở phương pháp luận nhất quán;
- ✦ Có thể so sánh (dựa trên các tiêu chuẩn tham chiếu hoặc định nghĩa bên ngoài) để đánh giá mức độ tham vọng của SPT.

Bên vay cần thông báo rõ ràng tới Ngân hàng về cơ sở lựa chọn các KPI (mức độ phù hợp, tính trọng yếu) và động lực xây dựng các SPT (mức độ tham vọng, sự nhất quán với chiến lược và mục tiêu phát triển bền vững tổng thể, phương pháp so sánh với chuẩn tham chiếu³ và cách thức Bên vay dự kiến đạt được các SPT đó). Ngân hàng khuyến khích Bên vay trình bày các thông tin này gắn với mục tiêu tổng thể, chiến lược, chính sách và quy trình về phát triển bền vững của Bên vay. Bên vay cũng được khuyến khích thông báo và cập nhật cho BIDV bất kỳ tiêu chuẩn hoặc chứng chỉ bền vững nào mà Bên vay đang hướng tới tuân thủ.

³Phương pháp so sánh với chuẩn tham chiếu (benchmarking approach) là phương pháp đánh giá trong đó đối tượng nghiên cứu được so sánh một cách có hệ thống với các chuẩn tham chiếu nhằm đánh giá hiệu quả tương đối và xác định mức độ chênh lệch so với chuẩn.

Mỗi KPI cần được định nghĩa một cách rõ ràng, bao gồm phạm vi áp dụng, phương pháp tính toán, điểm tham chiếu/mức cơ sở và được so sánh với tiêu chuẩn ngành nếu khả thi. KPI cũng cần gắn với các thách thức ESG trọng yếu của ngành/lĩnh vực hoạt động của Bên vay.



2.4.2. Điều chỉnh SPT

Các SPT phải được thiết lập trên cơ sở thiện chí⁴, đảm bảo tính thích hợp, trọng yếu và mang tính tham vọng⁵ đối với hoạt động kinh doanh tổng thể của Bên vay, đồng thời được duy trì trong suốt thời hạn của khoản vay SLL.

Các SPT phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- ✦ **Thể hiện sự cải thiện trọng yếu** trong các KPI tương ứng và vượt qua quy chuẩn “Kinh doanh Thông thường”⁶;
- ✦ **Có thể được so sánh** với tiêu chuẩn hoặc tham chiếu bên ngoài;
- ✦ **Nhất quán** với chiến lược bền vững, chiến lược ESG tổng thể của Bên vay; và
- ✦ **Được xác định trên một mốc thời gian đã định trước**, được xác lập trước hoặc đồng thời với thời điểm khởi tạo khoản vay.

SPT cần được xây dựng dựa trên kết quả hoạt động gần nhất của Bên vay, kết hợp phương pháp so sánh theo các chuẩn tham chiếu sau:

⁴SPT được thiết lập trên cơ sở thiện chí (set in good faith) nghĩa là SPT được thiết lập một cách trung thực, hợp lý, phản ánh đúng năng lực và điều kiện thực tế của Bên vay.

⁵Theo SLLP, Mang tính tham vọng (ambitious) nghĩa là mục tiêu phản ánh nỗ lực cải thiện đáng kể, vượt lên mức kinh doanh thông thường (business as usual) và cao hơn cả các yêu cầu tối thiểu theo quy định.

⁶Kinh doanh thông thường (business as usual – BAU) là kịch bản cơ bản phản ánh việc Bên vay duy trì các hoạt động và chính sách hiện tại, không áp dụng các biện pháp đáng kể nào nhằm cải thiện tính bền vững.

⁷Các kịch bản dựa trên cơ sở khoa học là các tình huống hoặc lộ trình phù hợp với những kiến thức khoa học khí hậu mới nhất được cho là cần thiết để đáp ứng các mục tiêu của Hiệp định Paris - hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức dưới 2°C so với thời kỳ tiền cách mạng công nghiệp và theo đuổi các nỗ lực để hạn chế sự nóng lên toàn cầu tại mức 1,5°C.

- ✦ **Kết quả hoạt động của chính Bên vay theo thời gian**, trong đó khuyến nghị có tối thiểu 03 năm dữ liệu theo dõi và đo lường đối với các KPI được lựa chọn (nếu khả thi);
- ✦ **Các doanh nghiệp cùng ngành hoặc cùng nhóm so sánh của Bên vay**, theo đó SPT được đánh giá dựa trên vị thế tương đối của Bên vay so với (i) các doanh nghiệp này, trong trường hợp có sẵn dữ liệu và có khả năng so sánh (ví dụ: mức trung bình ngành, mức tốt nhất trong ngành); và/hoặc (ii) các tiêu chuẩn hiện hành của ngành và lĩnh vực liên quan.
- ✦ **Cơ sở khoa học**, bao gồm việc tham chiếu một cách có hệ thống tới (i) các kịch bản dựa trên cơ sở khoa học⁷; hoặc (ii) các mức ngưỡng tuyệt đối (ví dụ: ngân sách carbon⁸); hoặc (iii) các mục tiêu chính thức ở cấp quốc gia, khu vực, quốc tế (như Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, mục tiêu Net Zero của quốc gia, SDGs...). Ngoài ra, SPT có thể được xác định dựa trên các công nghệ tốt nhất hiện có đã được công nhận hoặc các chỉ số thay thế⁹ khác nhằm xác định mục tiêu phù hợp trên các chủ đề ESG.

⁸Ngân sách carbon (carbon budget) là tổng lượng phát thải khí nhà kính (thường quy đổi ra CO₂ tương đương) tối đa còn được phép phát thải trong một khoảng thời gian nhất định, được xác định trên cơ sở khoa học, nhằm đảm bảo khả năng đạt được các mục tiêu giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu (ví dụ: 1,5°C hoặc 2°C).

⁹Chỉ số thay thế (proxy) là một chỉ số hoặc biến đo lường không phản ánh trực tiếp mục tiêu ESG cốt lõi, nhưng có mối liên hệ hợp lý và có thể chứng minh được với kết quả ESG cần đạt được, được sử dụng nhằm đại diện cho mức độ cải thiện, hiệu quả hoặc tác động ESG trong trường hợp việc đo lường trực tiếp không khả thi, chưa sẵn có hoặc chưa được chuẩn hóa.





Bên vay có nghĩa vụ cung cấp các thông tin về việc thiết lập mục tiêu, dưới hình thức thông báo riêng tới BIDV hoặc công bố thông tin đại chúng (ví dụ trong báo cáo phát triển bền vững của Bên vay). Nghĩa vụ cung cấp các thông tin này phải được quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Các thông tin này bao gồm nhưng không giới hạn:

- ❖ Lộ trình và mốc thời gian để đạt được mục tiêu, bao gồm khoảng thời gian nghiên cứu mục tiêu, thời điểm triển khai và tần suất rà soát các SPT;
- ❖ Điểm tham chiếu đã được xác minh hoặc Điểm tham chiếu dựa trên cơ sở khoa học¹⁰ được lựa chọn để cải thiện KPI và cơ sở lý luận cho việc sử dụng điểm tham chiếu đó, bao gồm cả khoảng thời gian liên quan
- ❖ Các tình huống phải thực hiện tính toán lại hoặc điều chỉnh lại các điểm tham chiếu;
- ❖ Cách thức Bên vay dự kiến đạt được các SPT, bao gồm việc mô tả chiến lược ESG, cơ chế quản trị ESG, các khoản đầu tư hỗ trợ và chiến lược vận hành, trong đó xác định các hoạt động chủ đạo thúc đẩy kết quả thực hiện hướng tới các SPT và mức đóng góp định lượng tương ứng (nếu khả thi);¹¹
- ❖ Các yếu tố trọng yếu khác ngoài phạm vi kiểm soát trực tiếp của Bên vay có thể ảnh hưởng đến khả năng đạt được các SPT.



¹⁰Điểm tham chiếu đã được xác minh hoặc điểm tham chiếu dựa trên cơ sở khoa học (the verified baseline or science-based reference point): là mốc số liệu ban đầu được sử dụng để thiết lập KPI và đánh giá mức độ cải thiện của khách hàng. Điểm tham chiếu phải được xác minh hoặc có cơ sở rõ ràng.
¹¹Thông tin này được cung cấp trong phạm vi có thể và có xem xét đến các yếu tố cạnh tranh và bảo mật thông tin.

Dưới đây là bảng danh mục tham khảo ban đầu về KPI và SPT được đề xuất cho Bên vay SLL theo từng lĩnh vực:

Bảng 2: Danh mục tham khảo về KPI và SPT theo một số lĩnh vực

Lĩnh vực hoạt động của Bên vay	Danh mục tham khảo về KPI và SPT	
	Liên quan tới môi trường	Liên quan tới xã hội
Bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Hiệu quả năng lượng - Cải thiện xếp hạng hiệu quả năng lượng của tòa nhà; ❖ Tiêu thụ nước - Tăng lượng nước tiết kiệm được; ❖ Giảm các-bon - Tránh hoặc giảm phát thải khí nhà kính hàng năm; ❖ Hiệu quả và bảo tồn nguyên vật liệu - Tăng tỷ lệ nguyên liệu bền vững (tái chế) trong tòa nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Sức khỏe và hạnh phúc - Cải thiện các yếu tố sức khỏe của người cư trú trong tòa nhà như kiểm soát thông gió, chất lượng không khí, kiểm soát nhiệt, v.v. ❖ Nhà ở giá rẻ - Gia tăng số lượng nhà ở xã hội được phát triển.
Điện, Dầu khí và Nước	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Năng lượng tái tạo - Tăng lượng năng lượng tái tạo được tạo ra; ❖ Giảm các-bon - Tránh hoặc giảm phát thải khí nhà kính hàng năm; ❖ Tiêu thụ nước - Tăng lượng nước tiết kiệm được. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Tiếp cận cơ sở hạ tầng cơ bản - Tăng số lượng người được cung cấp/ tiếp cận với năng lượng và nước sạch với giá cả phải chăng.
Nông-Lâm Nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Quản lý rừng bền vững - Tăng % sản lượng bền vững và/hoặc tiêu thụ lâm sản; ❖ Canh tác thích ứng với khí hậu - Tăng % đơn vị sản xuất sử dụng các phương pháp canh tác thân thiện với khí hậu; ❖ Giảm các-bon - Tránh hoặc giảm phát thải khí nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Năng suất cho các nhà sản xuất quy mô nhỏ - Cải thiện năng suất nông nghiệp
Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Sản xuất phương tiện giao thông sạch - Tăng số lượng xe điện được sản xuất; ❖ Lắp đặt cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho giao thông sạch - Tăng số lượng cơ sở hạ tầng sử dụng sạc chuyên dụng và nhiên liệu thay thế; ❖ Hiệu quả năng lượng - Tăng tiết kiệm năng lượng từ việc tối ưu hóa quy trình; hoặc Cải tiến phương tiện vận tải liên quan đến hiệu quả năng lượng; ❖ Giảm các-bon - Tránh hoặc giảm phát thải khí nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Tiếp cận cơ sở hạ tầng cơ bản - Tăng số lượng người tham gia phương tiện giao thông công cộng

Sản xuất và chế biến	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Quản lý chất thải - Tăng tỷ lệ tái chế hoặc sử dụng nguyên liệu/ vật tư tái chế; ❖ Hiệu quả năng lượng - Tăng tiết kiệm năng lượng từ việc tối ưu hóa quy trình; ❖ Giảm các-bon - Tránh hoặc giảm phát thải khí nhà kính hàng năm; ❖ Dây chuyền sản xuất sử dụng nguyên liệu xanh – Tăng tỷ lệ điện từ Năng lượng tái tạo trong nguồn điện đầu vào; hoặc Tăng tỷ lệ nguyên vật liệu có nguồn gốc sinh học, tái tạo, tái chế. 	
Dịch vụ		<ul style="list-style-type: none"> ❖ Tiếp cận các dịch vụ thiết yếu - Tăng số người được tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm và tài chính cơ bản.

Các chỉ số KPI và SPT phù hợp cần được xác định và thiết lập giữa Bên vay và BIDV cho mỗi SLL và được đề cập trong Hợp đồng cấp tín dụng. Bên vay có thể chọn sắp xếp SLL với sự hỗ trợ của một hoặc nhiều “Điều phối viên Bền vững” và, nếu được chỉ định, các đơn vị này sẽ hỗ trợ đàm phán các KPI và điều chỉnh các SPT với Bên vay. Chức năng này có thể được thực hiện bởi ngân hàng, bên thứ ba tư vấn ESG hoặc cố vấn kỹ thuật.



2.4.3. Các đặc điểm của khoản vay

Một đặc điểm cốt lõi của SLL là các điều khoản tài chính của khoản vay có thể thay đổi tùy thuộc vào việc các KPI được lựa chọn có đạt (hoặc không đạt) các SPT đã được xác định trước hay không, trong đó phổ biến nhất là cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay.

Trường hợp Bên vay đạt được các SPT đã lựa chọn, mức lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh giảm, áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của Khoản vay đó.

Ngược lại, trường hợp Bên vay không đạt được các SPT đã lựa chọn, mức lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh tăng, áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của Khoản vay đó.

Mức tăng hoặc giảm lãi suất cho vay, nếu áp dụng, sẽ được nêu rõ trong hồ sơ SLL (ví dụ: Hợp đồng cấp tín dụng giữa BIDV và Bên vay)

2.4.4. Báo cáo

Bên vay (ít nhất một lần mỗi năm) phải cung cấp thông tin cập nhật đầy đủ để BIDV theo dõi tình hình hoạt động của các SPT và để xác định rằng các SPT vẫn còn tính tham vọng và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bên vay. Nội dung này sẽ được đề cập trong Hợp đồng cấp tín dụng giữa BIDV và Bên vay.

Ngân hàng khuyến khích Bên vay báo cáo công khai thông tin liên quan đến các SPT (chẳng hạn như trong Báo cáo thường niên hoặc Báo cáo phát triển bền vững), bao gồm thông tin về phương pháp luận tính toán SPT và/hoặc các giả định¹².

¹²Bên vay cũng có thể chọn chia sẻ những thông tin với riêng BIDV thay vì công bố công khai tại các báo cáo đại chúng.

2.4.5. Xác minh

Trước khi ký kết Hợp đồng cấp tín dụng, BIDV khuyến khích Bên vay tìm một Bên thứ ba được công nhận và có uy tín để đánh giá sự phù hợp của KPI và SPT của Bên vay nhằm đảm bảo SLL là phù hợp. Bên thứ ba này có thể là bên định hạng ESG, bên cung cấp dịch vụ Chứng nhận hoặc Xác nhận bên ngoài.

Sau khi ký kết, ít nhất mỗi năm một lần, Bên vay phải nhận được xác minh độc lập từ bên thứ ba về hiệu quả thực hiện của Bên vay đối với mỗi SPT cho mỗi KPI. Sự xác minh độc lập có thể là sự đảm bảo hợp lý/có giới hạn hoặc kiểm toán bởi một hoặc nhiều chuyên gia đánh giá bên ngoài có đủ năng lực với chuyên môn liên quan như kiểm toán viên, chuyên gia tư vấn về môi trường và/hoặc cơ quan xếp hạng độc lập. Yêu cầu này sẽ được nêu tại Hợp đồng cấp tín dụng giữa BIDV và Bên vay.

Ngoài ra, sau khi ký kết, trong trường hợp có bất kỳ thay đổi trọng yếu nào tới phạm vi/phương pháp tính toán KPI/điều chỉnh SPT, Bên vay và Ngân hàng sẽ cùng xem xét để điều chỉnh SLL. Những thay đổi trọng yếu này phải được chuyên gia tư vấn độc lập bên ngoài đánh giá.

Bên vay được khuyến khích công khai việc xác minh hiệu quả hoạt động dựa trên các SPT.



2.5. Các sửa đổi đối với Khung Khoản vay bền vững

Nhằm đảm bảo Khung Khoản vay bền vững phù hợp với các thông lệ tốt nhất, BIDV sẽ rà soát Khung định kỳ, có xem xét đến các phiên bản cập nhật của GLP, SLP và SLLP và các cơ chế phân loại tài chính bền vững tại các quốc gia nơi Ngân hàng hoạt động. BIDV cũng sẽ rà soát Khung Khoản vay bền vững trong trường hợp có những thay đổi trọng yếu đối với các hạng mục dự án đủ điều kiện.

Việc rà soát Khung có thể dẫn đến việc Khung Khoản vay bền vững được cập nhật và sửa đổi. Tùy thuộc vào các sửa đổi cụ thể, Khung có thể được đánh giá độc lập để đảm bảo vẫn phù hợp với hướng dẫn mới nhất của GLP, SLP và SLLP.

2.6. Đánh giá độc lập từ bên thứ ba

Việc đánh giá của bên thứ ba sẽ được thực hiện bởi một bên độc lập nhằm xác nhận sự phù hợp của Khung này đối với các nguyên tắc cốt lõi của GLP, SLP và SLLP.





Phụ lục

Phụ lục I: Tiêu chí loại trừ



Dự án, phương án kinh doanh và/hoặc ngành, nghề kinh doanh tham gia vào bất kỳ hoạt động nào sau đây¹³ không đủ điều kiện cho các khoản vay chủ đề:

- ✿ Sản xuất hoặc các hoạt động liên quan đến các hình thức bóc lột lao động cưỡng bức¹⁴ hoặc lao động trẻ em¹⁵;
- ✿ Sản xuất hoặc buôn bán bất kỳ sản phẩm hoặc hoạt động nào bị coi là bất hợp pháp theo luật hoặc quy định của nước sở tại hoặc các công ước và thỏa thuận quốc tế, hoặc phải chịu lệnh cấm quốc tế, chẳng hạn như (a) dược phẩm¹⁶, thuốc trừ sâu/thuốc diệt cỏ¹⁷, (b) chất làm suy giảm tầng ôzôn¹⁸, (c) hóa chất polychlorinated biphenyls (PCB)¹⁹ và các hóa chất nguy hiểm khác²⁰, (d) động vật hoang dã hoặc các sản phẩm được điều chỉnh theo Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã trong danh sách bảo động (CITES)²¹, và (e) buôn bán chất thải hoặc phế phẩm xuyên biên giới²²;
- ✿ Sản xuất hoặc buôn bán vũ khí và đạn dược, bao gồm vật liệu bán quân sự;
- ✿ Sản xuất hoặc kinh doanh đồ uống có cồn, trừ bia và rượu vang²³;
- ✿ Sản xuất hoặc buôn bán thuốc lá;
- ✿ Doanh nghiệp đánh bạc, sòng bạc và các doanh nghiệp tương đương;
- ✿ Sản xuất hoặc buôn bán vật liệu phóng xạ²⁴, bao gồm lò phản ứng hạt nhân và các thành phần liên quan;

- ✿ Sản xuất, buôn bán hoặc sử dụng sợi amiăng không bao bọc²⁵
- ✿ Hoạt động khai thác gỗ thương mại hoặc mua thiết bị khai thác gỗ để sử dụng trong rừng ẩm nhiệt đới nguyên sinh hoặc rừng già;
- ✿ Sản xuất, kinh doanh gỗ hoặc các sản phẩm lâm nghiệp khác không phải từ rừng được quản lý bền vững;
- ✿ Các hoạt động đánh bắt hải sản trên biển và ven biển, chẳng hạn như đánh bắt cá bằng lưới nổi quy mô lớn và đánh bắt bằng lưới mắt nhỏ, gây hại cho các loài dễ bị tổn thương và được bảo vệ với số lượng lớn, làm tổn hại đến đa dạng sinh học biển và môi trường sống;
- ✿ Sản xuất hoặc các hoạt động liên quan đến các vùng đất do Người Indigenous (người bản xứ) sở hữu hoặc được tuyên bố theo phán quyết, mà không có sự đồng ý đầy đủ bằng văn bản của những người này;
- ✿ Các dự án liên quan đến thăm dò, khai thác, sản xuất và vận chuyển nhiên liệu hóa thạch, bao gồm than, dầu và khí đốt tự nhiên.

¹³Lấy từ danh sách loại trừ IFC (2007)

¹⁴Lao động cưỡng bức có nghĩa là tất cả các công việc hoặc dịch vụ được thực hiện bởi bất kỳ người nào dưới sự đe dọa của hình phạt và người đó không tự nguyện công hiến cho mình.

¹⁵ Lao động trẻ em là công việc tước đi tuổi thơ, tiềm năng và phẩm giá của trẻ em và có hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần

¹⁶Danh sách các dược phẩm bị loại bỏ hoặc cấm, có sẵn tại <http://www.who.int>.

¹⁷Danh sách thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ bị loại bỏ hoặc cấm, có sẵn tại <http://www.pic.int>

¹⁸Danh sách các hợp chất hóa học phản ứng với và làm cạn kiệt ôzôn ở tầng bình lưu dẫn đến các lỗ thủng ôzôn được công bố rộng rãi được liệt kê trong Nghị định thư Montreal, cùng với các ngày giảm mục tiêu và loại bỏ. Thông tin có tại <http://www.unep.org/ozone/montreal.shtml>

¹⁹Một nhóm các hóa chất độc hại cao, polychlorinated biphenyls có khả năng được tìm thấy trong các máy biến áp, tụ điện và thiết bị đóng cắt chứa đầy dầu có niên đại từ năm 1950 đến năm 1985

²⁰Danh sách các hóa chất nguy hiểm, có tại <http://www.pic.int>

²¹Danh sách có tại trang <http://www.cites.org>

²²Theo định nghĩa của Công ước Basel, xem tại <http://www.basel.int>

²³Điều này không áp dụng cho các nhà tài trợ dự án về căn bản không tham gia vào các hoạt động này. Không tham gia về căn bản có nghĩa là hoạt động liên quan là phụ trợ cho hoạt động chính của nhà tài trợ dự án

²⁴Điều này không áp dụng đối với việc mua thiết bị y tế, thiết bị kiểm tra chất lượng (đo lường) và bất kỳ thiết bị nào mà IFC coi nguồn phóng xạ là không đáng kể và được che chắn đầy đủ

²⁵Điều này không áp dụng cho việc mua và sử dụng tấm xi măng amiăng ngoại quan có hàm lượng amiăng nhỏ hơn 20%

Phụ lục II: Tiêu chí đủ điều kiện của dự án/phương án kinh doanh xanh

Danh mục dự án xanh đủ điều kiện	Tiêu chí	Mối liên kết với SDGs
Năng lượng		
1. Sản xuất điện mặt trời	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Dự án không được có quá 15% điện năng được tạo ra từ các nguồn năng lượng không tái tạo²⁶ Hiệu suất của tế bào quang điện hoặc module quang điện phải đáp ứng quy định đối với hệ thống mặt trời nổi lưới, điện mặt trời mái nhà được hưởng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời. Không giới hạn hiệu suất chuyển đổi quang điện đối với các dự án điện năng lượng mặt trời tập trung. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện mặt trời phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 	
2. Sản xuất điện gió	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất điện gió từ một trong các loại hình sau: <ol style="list-style-type: none"> Điện gió ngoài khơi; Điện gió trong đất liền. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện gió phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 	
3. Sản xuất điện từ nguồn năng lượng bền vững	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất điện từ một trong các nguồn năng lượng sau: <ol style="list-style-type: none"> Địa nhiệt; Sinh khối; Thủy triều; Sóng biển; Hải lưu; Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện từ các nguồn năng lượng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. Riêng đối với năng lượng sinh khối²⁷, lượng phát thải khí nhà kính (KNK) do điện tạo ra phải thấp hơn 100gCO₂/kWh. 	

²⁶Áp dụng đối với các tài sản điện mặt trời ở những nơi mà 85% điện năng được phát từ năng lượng mặt trời. Nhiên liệu hóa thạch có thể cấp điện dự phòng hoặc phát điện hỗn hợp tới giới hạn là 15% tổng lượng điện phát được hàng năm.

²⁷Chỉ áp dụng đối với các dự án sản xuất điện. Đối với các dự án sản xuất điện năng và nhiệt năng kết hợp, tham chiếu Mục 5 - Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới.


<p>4. Sản xuất điện từ các dự án thủy điện</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Mật độ công suất > 10W/m²; HOẶC cường độ phát thải KNK của điện < 50gCO₂e/kWh²⁸. Phải thực hiện đánh giá rủi ro môi trường xã hội (MTXH) theo các hướng dẫn thực hành tốt nhất, đồng thời nêu rõ biện pháp áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện từ các nguồn năng lượng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. Đối với thủy điện tích năng, đáp ứng bổ sung một trong các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> Dự án không sử dụng điện từ nguồn điện có cường độ carbon cao để bơm nước; Dự án đóng góp vào lưới điện tối thiểu 20% từ năng lượng tái tạo không liên tục²⁹. 	
<p>5. Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ một trong các nguồn năng lượng sau: <ol style="list-style-type: none"> Mặt trời; Gió; Địa nhiệt; Sinh khối; Thủy triều; Sóng biển; Hải lưu; Chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). Môi chất lạnh sử dụng trong thiết bị làm mát có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Thiết bị được sử dụng để sản xuất nhiệt hoặc làm mát phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn do cơ quan quản lý có chức năng cấp theo quy định của pháp luật. Đối với năng lượng sinh khối³⁰, bổ sung các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> Lượng phát thải KNK từ dự án phải thấp hơn ít nhất 80% so với mức cơ sở của nhiên liệu hóa thạch; Hiệu suất năng lượng đạt tối thiểu 80%. 	

²⁸Ngưỡng quy định tại mục này tương tự ngưỡng được quy định trong CBI taxonomy.




²⁹Ví dụ: điện gió, điện mặt trời.

³⁰Áp dụng đối với các dự án sản xuất nhiệt, làm mát hoặc kết hợp điện năng và nhiệt năng

<p>6. Sản xuất khí đốt từ các nguồn sinh khối</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất khí đốt từ một trong những nguồn phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và sinh khối khác. Thiết bị được sử dụng để sản xuất, chế biến khí sinh học phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 	
<p>7. Sản xuất nhiên liệu hàng không bền vững</p>	<p>Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) được cấp chứng nhận quốc tế theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).</p>	
<p>8. Xây dựng, lắp đặt công trình điện phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng bền vững</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xây dựng, lắp đặt công trình điện phục vụ truyền tải, giải tỏa công suất cho một trong các loại hình năng lượng sau: <ol style="list-style-type: none"> Mặt trời; Gió; Địa nhiệt; Sinh khối; Thủy triều; Sóng biển; Hải lưu; Chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). Tỷ lệ năng lượng tái tạo được giải tỏa phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Thiết bị được sử dụng để xây dựng hệ thống đường dây, trạm biến áp để truyền tải, giải tỏa công suất năng lượng tái tạo phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 	
<p>9. Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phân phối điện tiết kiệm, hiệu quả năng lượng</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và đáp ứng một trong các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> Được cấp nhãn năng lượng theo quy định về danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện; Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhân sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau); Ứng dụng lưới điện thông minh phù hợp với định hướng phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam. 	

10. Sản xuất pin và ắc quy công nghệ cao, thân thiện với môi trường	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhân sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau). Sử dụng nguyên liệu, vật liệu có nguồn gốc tái chế theo quy định để phục vụ sản xuất. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định. 	
11. Lắp đặt hệ thống lưu trữ điện từ năng lượng tái tạo	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống lưu trữ điện, hệ thống sạc điện được lắp đặt để tải, sử dụng cho một trong các nguồn điện sau: <ol style="list-style-type: none"> Mặt trời; Gió; Địa nhiệt; Sinh khối; Thủy triều; Sóng biển; Hải lưu; Chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thiết bị được sử dụng để lắp đặt, vận hành hệ thống lưu trữ điện từ năng lượng tái tạo phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 	
Giao thông vận tải		
1. Đầu tư phương tiện giao thông không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp phục vụ vận tải	<p>Phương tiện được đầu tư để phục vụ vận tải thuộc một trong các loại hình sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sử dụng điện Sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng khác³¹ không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính. 	
2. Xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu hoặc năng lượng phục vụ phương tiện giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp	<p>Cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu hoặc năng lượng phục vụ một số loại hình phương tiện giao thông sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sử dụng điện. Sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng bền vững khác không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính. 	

³¹ Như nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), nhiên liệu hàng không các-bon thấp (LCAF)

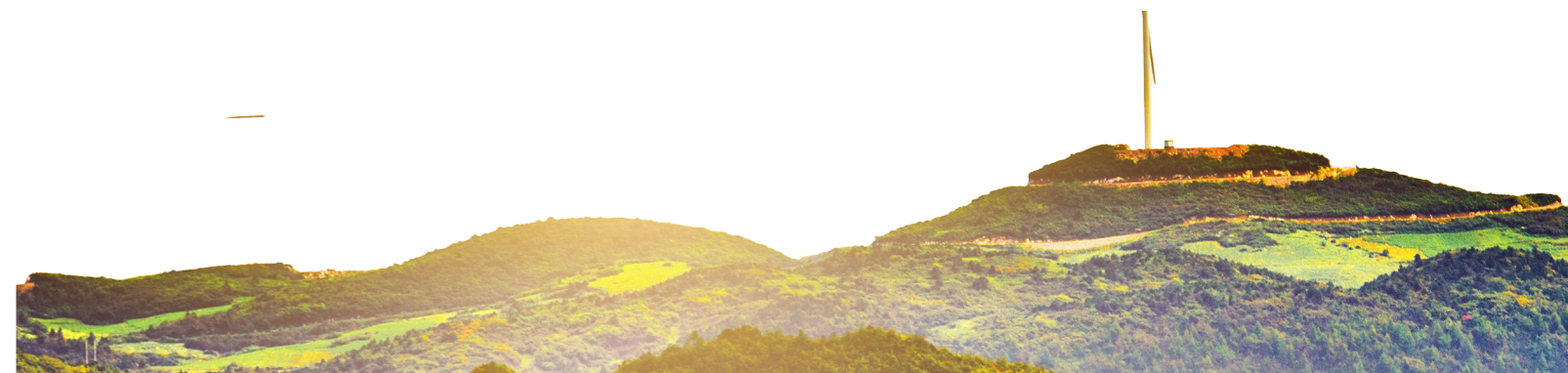
3. Cung cấp dịch vụ tái nạp năng lượng cho phương tiện giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp.	<p>Cung cấp dịch vụ tái nạp năng lượng cho một trong các loại hình phương tiện giao thông sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sử dụng điện. Sử dụng năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng bền vững khác không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính. 	
Xây dựng		
1. Xây dựng mới, cải tạo nhà các loại đạt mục tiêu công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Được chứng nhận của tổ chức cấp giấy chứng nhận công trình xanh trong nước hoặc quốc tế³² Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật. 	
2. Xây dựng mới, cải tạo công trình công ích thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Được chứng nhận của tổ chức cấp giấy chứng nhận công trình xanh trong nước hoặc quốc tế³². Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật. 	
Tài nguyên nước		
1. Xây dựng công trình cấp, thoát nước	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Công trình xây dựng cấp, thoát nước có lắp đặt, vận hành thuộc một trong các loại hình sau: <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống khử mặn nước biển và nước lợ; Hệ thống tiết kiệm tài nguyên nước; Hệ thống thoát nước chống ngập úng; Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải; Hệ thống tưới tiêu thông minh. Thiết bị được sử dụng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 	 

³²Như LOTUS, LEED, Green Mark...



<p>2. Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>1. Chất lượng nước sạch cung cấp đáp ứng các thông số kỹ thuật trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT).</p> <p>2. Tỷ lệ thất thoát nước sạch quy định như sau:</p> <p>2.1. Đối với dự án xây dựng mới hệ thống cấp nước: tỷ lệ thất thoát nước ≤ 15% và có kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước;</p> <p>2.2. Đối với dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước hiện tại: tỷ lệ thất thoát nước < 18% và có chứng minh tỷ lệ giảm so với trước khi lắp đặt hoặc vận hành.</p> <p>3. Thiết bị được sử dụng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>3. Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn nước</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>1. Loại hình dự án đầu tư thuộc một trong các hoạt động được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước sau đây:</p> <p>1.1. Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;</p> <p>1.2. Tìm kiếm, thăm dò, khai thác nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cho người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương khác;</p> <p>1.3. Khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; xử lý nước biến thành nước ngọt; thu gom; sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;</p> <p>1.4 Xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước tại khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ lụt;</p> <p>1.5 Phát triển công nghệ, thiết bị và sản phẩm phục vụ bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước;</p> <p>1.6 Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất.</p> <p>2. Thiết bị được sử dụng để phục vụ việc dự báo, giám sát, kiểm soát chất lượng nguồn nước, bảo vệ nguồn nước, phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật.</p>	
<p>Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học</p>		




<p>1. Trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo tiêu chuẩn bền vững</p>	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>1. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) – Phần 1: Trồng trọt (TCVN 11892-1:2017).</p> <p>2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Nông nghiệp hữu cơ – Phần 2: Trồng trọt hữu cơ (TCVN 11041-2:2017).</p> <p>4. Đáp ứng tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>2. Mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt</p>	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>1. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Nông nghiệp hữu cơ – Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ (TCVN 11041-3:2017).</p> <p>3. Đáp ứng tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp.</p>	
<p>3. Trồng rừng mới, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, quản lý rừng bền vững; áp dụng phương thức canh tác nông lâm kết hợp</p>	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>1. Được chứng nhận tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của quốc gia (VFCS/PEFC ST 1003:2019) hoặc quốc tế;</p> <p>2. Thực hiện mục tiêu, yêu cầu về bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>4. Nuôi trồng thủy sản nội địa, thủy sản biển bền vững</p>	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>1. Tuân thủ Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP);</p> <p>2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt quốc tế (GlobalGAP, BAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p>	



<p>5. Sản xuất, chế biến thực phẩm bền vững</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>1. Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>1.1. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trong nước hoặc quốc tế (VietGAP, GlobalGAP, ISO 22000, HACCP, GMP, SQF, FSSC 22000, BRC, IFS) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật;</p> <p>1.2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành chế biến sản phẩm thủy sản tốt trong nước hoặc quốc tế (VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, BAP, HACCP, ISO 22000, GMP, FSSC 22000, BRC, IFS) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật;</p> <p>1.3. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001) hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p>	
<p>6. Du lịch sinh thái</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mục đích hoạt động du lịch gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư và có sự kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Chứng minh có mục tiêu, hoạt động góp phần sử dụng bền vững, phát huy được lợi thế, đầu tư duy trì, phát triển vốn tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>3. Thuộc dự án, đề án, chương trình, kế hoạch hoặc dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt theo quy định.</p> <p>4. Trường hợp dự án đầu tư có hoạt động dịch vụ lưu trú hoặc dịch vụ ăn uống phục vụ cho du lịch sinh thái cần đáp ứng thêm một trong các yêu cầu sau:</p> <p>4.1. Được cấp chứng chỉ hoặc nhãn dịch vụ lưu trú, ăn uống du lịch bền vững do các tổ chức trong nước hoặc quốc tế công nhận hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật;</p> <p>4.2. Được chứng nhận công trình xanh được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p>	






<p>7. Bảo tồn, phát triển nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp của Việt Nam</p>	<p>Thực hiện một trong các hoạt động sau:</p> <p>1. Bảo tồn nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp của Việt Nam thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Bảo tồn một trong các tài nguyên di truyền bản địa dưới đây theo quy định của pháp luật</p> <p>2.1. Động vật;</p> <p>2.2. Thực vật;</p> <p>2.3. Vi sinh vật;</p> <p>2.4. Tài nguyên di truyền khác theo quy định</p> <p>3. Phát triển dược liệu đặc hữu, quý, có giá trị kinh tế hoặc có nguy cơ tuyệt chủng cao theo chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án do cấp có thẩm quyền ban hành, bao gồm một trong các hoạt động sau :</p> <p>3.1. Xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc;</p> <p>3.2. Phát triển trồng cây dược liệu;</p> <p>3.3. Phát triển nguồn giống dược liệu;</p> <p>3.4. Xây dựng các nhà máy sơ chế, chế biến, chiết xuất dược liệu, các trung tâm kinh doanh dược liệu để tạo lập thị trường thuận lợi cho việc cung ứng và tiêu thụ các sản phẩm từ dược liệu;</p> <p>3.5. Hoạt động khác theo quy định.</p>	
<p>8. Phát triển công trình kỹ thuật phục vụ giảm nhẹ rủi ro và phòng chống thiên tai</p>	<p>Thuộc một trong các loại hình công trình sau:</p> <p>1. Công trình kỹ thuật dân dụng phục vụ mục tiêu, yêu cầu giảm nhẹ rủi ro và phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công trình phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>9. Canh tác bền vững trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất thoái hóa, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>1. Dự án canh tác được thực hiện tại một trong các vùng đất do cấp có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật dưới đây:</p> <p>1.1. Vùng đất dốc;</p> <p>1.2. Vùng đất trũng;</p> <p>1.3. Vùng đất phèn;</p> <p>1.4. Vùng đất mặn, nhiễm mặn;</p> <p>1.5. Vùng đất cát ven biển;</p> <p>1.6. Vùng đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.</p> <p>2. Áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật và quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p>	
<p>10. Xử lý ô nhiễm cải tạo, phục hồi và bảo vệ tài nguyên đất</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>1. Chất lượng đất sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (QCVN 03:2023/BTNMT).</p> <p>2. Quá trình xử lý không gây ô nhiễm nguồn nước và không khí theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p>	

<p>11. Thu gom, xử lý, tái chế, sản xuất các sản phẩm hữu ích từ phụ phẩm, chất thải phát sinh từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu gom, xử lý, tái sử dụng, sản xuất các sản phẩm, vật liệu hữu ích từ phụ phẩm, chất thải tạo ra từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. 2. Chất lượng sản phẩm, vật liệu sau xử lý, sản xuất đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật. 3. Quá trình xử lý không gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 	
<p>Công nghiệp chế biến, chế tạo</p>		
<p>1. Sản xuất thiết bị điện, máy móc, thiết bị tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết bị điện, máy móc, thiết bị được sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1 Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhân sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau); 1.2 Được cấp nhãn năng lượng, bao gồm nhãn năng lượng so sánh (cấp 4 - 5 sao) hoặc nhãn năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam theo quy định của pháp luật; 1.3 Đạt được các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định có liên quan đến kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh của các thị trường xuất khẩu. 2. Đối với sản phẩm được tạo ra có sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) phải đạt tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam. 3. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định. 	  
<p>2. Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử phục vụ phát triển công nghệ các-bon thấp³³</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Linh kiện, thiết bị điện tử đáp ứng một trong các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhân sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau); 1.2. Được cấp nhãn năng lượng, bao gồm nhãn năng lượng so sánh (cấp 4 - 5 sao) hoặc nhãn năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam theo quy định của pháp luật; 1.3 Đạt được các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định có liên quan đến kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh của các thị trường xuất khẩu 2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 3. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định. 	

<p>3. Sản xuất phương tiện giao thông vận tải ứng dụng công nghệ các-bon thấp</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đầu tư sản xuất một trong các loại hình phương tiện giao thông vận tải sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện; 1.2. Phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng bền vững khác³¹ không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính. 2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 	
<p>4. Sản xuất bao bì thân thiện với môi trường</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sản xuất sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường, bao gồm bao bì nhựa thân thiện với môi trường, túi giấy, hộp giấy, túi vải không dệt, các sản phẩm bao bì từ bã mía, tinh bột và các nguyên liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường khác theo quy định của pháp luật. 2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì theo quy định của pháp luật. 3. Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhân sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau). 	
<p>5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất có nguồn gốc từ thiên nhiên, thân thiện với môi trường</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sản xuất một trong các loại hóa chất và sản phẩm hoá chất thân thiện với môi trường sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Hóa chất phòng trừ sâu bệnh thân thiện với môi trường như hoạt chất gốc cacbamat, hoạt chất họ azole và dẫn xuất, hoạt chất nhóm pyrethroide, validamycin; 1.2. Các chủng loại mực in thân thiện với môi trường như các sản phẩm đi từ gốc nước, thay thế hoặc loại bỏ thành phần dung môi toluene, MEK bằng alcohol; 1.3. Sản phẩm chất tẩy rửa, mỹ phẩm sử dụng nguyên liệu, các hoạt chất có nguồn gốc thiên nhiên, thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng. 2. Sản phẩm được sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhân sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau); 2.2. Đạt được các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định có liên quan đến kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh của các thị trường xuất khẩu³⁴. 3. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định 	

³³Công nghệ các-bon thấp là các giải pháp kỹ thuật, quy trình hoặc hệ thống được thiết kế để giảm phát thải khí nhà kính (đặc biệt là CO2) so với công nghệ truyền thống, nhằm hướng đến mục tiêu giảm thiểu biến đổi khí hậu

³⁴Như Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...

6. Sản xuất, phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm phục vụ các yêu cầu bảo vệ môi trường	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thuộc danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thiết bị, sản phẩm được sản xuất ra phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 	
Dịch vụ môi trường		
1. Thu gom, phân loại, trung chuyển, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng, chất lượng phân loại đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại theo quy định của pháp luật; Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại theo quy định của pháp luật. Áp dụng các giải pháp phân loại phù hợp và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình phân loại. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn. 	  
2. Tái chế chất thải	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đạt tối thiểu tỷ lệ tái chế theo quy định về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công nghệ, kỹ thuật tái chế đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> Đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật tái chế chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng; Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định. 	
3. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tỷ lệ chất thải rắn không thể tái sử dụng, tái chế phải chôn lấp theo quy định của pháp luật. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> Yêu cầu, tiêu chí công nghệ xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng; Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định. 	

4. Thu gom, phân loại, xử lý chất thải nguy hại	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường về xử lý chất thải nguy hại. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> Yêu cầu, tiêu chí quản lý, công nghệ xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng; Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định. 	
5. Thu gom nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đáp ứng yêu cầu về thu gom nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công trình hạ tầng, kỹ thuật thu gom đáp ứng yêu cầu về thoát nước theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. 	
6. Xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2025/BT-NMT). Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng. 	





<p>7. Thu gom, xử lý nước thải y tế</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải y tế theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT). 2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng. 	
<p>8. Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT). 3. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng. 	
<p>9. Xử lý khí thải</p>	<p>Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất lượng xử lý khí thải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Đạt cột B của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT); 1.2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương khác về khí thải do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật. 2. Công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, sản phẩm xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý khí thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng. 	





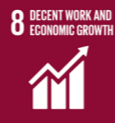


Phụ lục III: Tiêu chí đủ điều kiện của dự án/phương án kinh doanh xã hội³⁵

Danh mục dự án xã hội đủ điều kiện	Tiêu chí	Mối liên kết với SDGs
<p>Cơ sở hạ tầng xã hội cơ bản (bao gồm khả năng tiếp cận giao thông, năng lượng, viễn thông cơ bản, v.v.)</p>	<p>Đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phát triển đường sá hoặc cơ sở hạ tầng giao thông vận tải khác để cải thiện kết nối cho các nhóm dân cư có rào cản và/hoặc bị giới hạn khả năng tiếp cận³⁶; 2. Phát triển, mở rộng hoặc cải thiện khả năng tiếp cận nguồn nước uống sạch, vệ sinh và năng lượng sạch cho các nhóm dân cư nêu trên (không bao gồm các nhà máy khử muối); 3. Cơ sở hạ tầng cải thiện khả năng kết nối cho các nhóm dân cư nêu trên (ví dụ: internet, dịch vụ viễn thông). 	
<p>Tiếp cận các dịch vụ thiết yếu (bao gồm giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng)</p>	<p>Đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chăm sóc sức khỏe <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Dự án phát triển cho các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế cộng đồng; 1.2. Dự án phát triển, mở rộng hoặc mua lại cơ sở vật chất (VD: tòa nhà/công trình) của bệnh viện, phòng khám hoặc cơ sở chăm sóc sức khỏe để đảm bảo khả năng tiếp cận các nhóm dân cư cần được quan tâm/dễ bị tổn thương³⁷; 1.3. Dự án phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ thiết yếu cho phụ nữ (ví dụ: phòng khám sức khỏe phụ nữ). 2. Giáo dục <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Phát triển các cơ sở và chương trình giáo dục mầm non, tiểu học và trung học công lập; 2.2. Phát triển các trường cao đẳng, trường dạy nghề hoặc các trường đại học công và tư phi lợi nhuận; 2.3. Các chương trình giáo dục và dạy nghề khác cho thanh niên, người thất nghiệp hoặc các nhóm dân cư thua thiệt về mặt xã hội và/hoặc kinh tế. 3. Các dịch vụ tài chính <p>Phát triển cơ sở hạ tầng để cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm và tài chính.</p> 	

³⁵Được phát triển với sự tham khảo của Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch (SEC) Thái Lan hướng dẫn Phát hành Trái phiếu Bền vững (Tháng 8 năm 2021) do Ernst & Young biên soạn, với sự hỗ trợ từ IMC Worldwide Ltd và Viện Phát triển Bền vững Quốc tế (IISD), thuộc Vương quốc Anh Chương trình Năng lượng Các-bon thấp ASEAN (LCEP) của Chính phủ. ASEAN LCEP là một chương trình Hỗ trợ Phát triển Nước ngoài do Văn phòng Đối ngoại, Khối thịnh vượng chung và Phát triển Vương quốc Anh quản lý.

³⁶Nhóm dân cư có rào cản và/hoặc bị giới hạn khả năng tiếp cận (underserved populations) là những nhóm người hoặc cộng đồng mà gặp rào cản đáng kể trong việc tiếp cận hoặc sử dụng các dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, tài chính, công nghệ, cơ sở hạ tầng...). Những rào cản này có thể bao gồm kinh tế, vị trí địa lý (như sống ở vùng hẻo lánh), ngôn ngữ, khuyết tật, tuổi tác, hoặc các yếu tố xã hội khác.

³⁷Nhóm dân cư được quan tâm/dễ bị tổn thương (Must-serve/vulnerable populations) - các cá nhân hay cộng đồng có thể bị ảnh hưởng tiêu cực hoặc ít có khả năng chống chịu và hồi phục trước các cú sốc - cả về kinh tế, xã hội lẫn môi trường, hoặc những thay đổi trong cấu trúc xã hội. Tại Việt Nam, các nhóm dễ bị tổn thương có thể được phân chia thành nhiều diện và trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhìn chung, họ bao gồm (i) lao động phi chính thức, (ii) người dân tộc thiểu số, (iii) phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, (iv) người khuyết tật, (v) người cao tuổi không có lương hưu, và (vi) trẻ em trong gia đình nghèo hoặc không có người chăm sóc.

Nhà ở xã hội ³⁸	Đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1. Doanh nghiệp phát triển và/hoặc cung cấp nhà ở xã hội; 2. Cá nhân, hộ gia đình mua/thuê/thuê mua nhà ở.	 
Hòa nhập kinh tế	Đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1. Tài chính vi mô và cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ; 2. Các khoản cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ/doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ; 3. Các doanh nghiệp tạo cơ hội việc làm cho nhóm dân thiểu số ở các khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao, các khu vực có rào cản hoặc bị hạn chế khả năng tiếp cận và/hoặc thiếu thốn (ví dụ: các nhà máy mới, văn phòng hoặc khu bán lẻ sử dụng một tỷ lệ đáng kể nhân viên từ các nhóm dân cư thiểu số (ví dụ như người khuyết tật, người vô gia cư, v.v.)	    

Các danh mục và tiêu chí dự án nói trên có thể cung cấp lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho một hoặc nhiều nhóm đối tượng mục tiêu sau:

✿ Sống dưới mức nghèo khổ³⁹;

✿ Các nhóm dân số bị lề hóa và/hoặc các cộng đồng đã bị loại trừ trong xã hội địa phương của họ vì những lý do có thể liên quan đến tuổi tác, giới tính, khuyết tật, chủng tộc, dân tộc, nguồn gốc, hoặc tình trạng khác;

✿ Người khuyết tật;

✿ Những người di cư và/hoặc di dời;

✿ Không có học thức;

✿ Không được đáp ứng, do thiếu khả năng tiếp cận hàng hóa và dịch vụ thiết yếu có chất lượng;

✿ Thất nghiệp

✿ Phụ nữ và/hoặc giới tính thiểu số;

✿ Dân số già⁴⁰ và/hoặc thanh niên dễ bị tổn thương⁴¹;

✿ Các nhóm dễ bị tổn thương khác⁴², bao gồm cả những nhóm dễ bị tổn thương do thiên tai.

³⁸Định nghĩa và các yêu cầu pháp lý về Nhà ở xã hội được quy định tại Luật Nhà ở 2023.

³⁹Được xác định tương ứng là 1.500.000 đồng/người/tháng và 2.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và thành thị tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2021-2025.

⁴⁰Theo Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam, người cao tuổi ở Việt Nam được gọi là nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên.

⁴¹Thanh niên dễ bị tổn thương là thanh niên từ 16-30 tuổi (theo định nghĩa trong các quy định hiện hành của chính phủ ở Việt Nam và hiện tại là Luật Thanh niên Việt Nam năm 2020) có hoàn cảnh kinh tế - xã hội khó khăn (ví dụ như sống dưới mức nghèo khổ, mồ côi, bị loại trừ và/hoặc dân số bị gạt ra ngoài lề, không được giáo dục, v.v.).

⁴²Nhóm dễ bị tổn thương đề cập đến các nhóm trong cộng đồng gặp bất lợi do đặc điểm của họ (ví dụ: tuổi, giới tính, chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, v.v.) hoặc địa vị mà họ nắm giữ (ví dụ: mức thu nhập, loại công việc, mức độ giáo dục, v.v.).

Phụ lục IV: Các lĩnh vực tác động và chỉ số báo cáo tương ứng

LĨNH VỰC TÁC ĐỘNG	CÁC CHỈ SỐ BÁO CÁO TƯƠNG ƯNG
Các hạng mục xanh	
Năng lượng	<ul style="list-style-type: none"> Sản lượng điện được tạo ra từ năng lượng tái tạo (kWh) hằng năm, theo từng loại; Sản lượng năng lượng sản xuất ra hàng năm từ chất thải không thể tái chế tại các dự án sản xuất năng lượng/điện từ rác thải, tính bằng MWh/GWh (đối với điện năng) và GJ/TJ (đối với năng lượng khác); Công suất lắp đặt của dự án năng lượng tái tạo; Lượng khí nhà kính được giảm thiểu hàng năm, tính bằng tấn CO₂ tương đương (tCO_{2e}) mỗi năm; Số lượng người được tiếp cận với năng lượng sạch với chi phí hợp lý.
Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> Mức giảm tiêu thụ nhiên liệu ước tính; Lượng phát thải khí nhà kính được cắt giảm hằng năm, tính bằng tấn CO₂ tương đương (tCO_{2e}) mỗi năm.
Xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện mức xếp hạng chứng chỉ công trình xanh; Diện tích đất được cải tạo/xử lý ô nhiễm/tái tạo (tính bằng ha hoặc m²); Lượng chất thải xây dựng được tái sử dụng hoặc tái chế, tính bằng tấn mỗi năm.
Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ (%) giảm lượng nước sử dụng; Số lượng người được tiếp cận với nước sạch thông qua hạ tầng hỗ trợ sử dụng nước bền vững và hiệu quả; Diện tích khu vực được áp dụng thực hành quản lý tài nguyên nước bền vững.
Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> Mức gia tăng năng suất hàng năm (tấn/ha); Mức gia tăng áp dụng các thực hành nông nghiệp tốt (ví dụ: kỹ thuật canh tác không cày xới⁴³) tính theo diện tích (ha) hoặc tỷ lệ (%); Mức giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (kg hoạt chất/ha/năm); Diện tích rừng được quản lý theo tiêu chuẩn lâm nghiệp bền vững và được chứng nhận (tính bằng ha hoặc % tổng diện tích); Diện tích cảnh quan tự nhiên (bao gồm rừng) được duy trì/bảo vệ/tăng thêm, tính bằng km² và tỷ lệ % tăng thêm; Diện tích cảnh quan tự nhiên tại khu vực đô thị được duy trì/bảo vệ/tăng thêm, tính bằng km² và tỷ lệ % tăng thêm; Số lượng nhân sự trong ngành lâm nghiệp được đào tạo về bảo tồn đa dạng sinh học.
Công nghiệp chế biến, chế tạo	<ul style="list-style-type: none"> Lượng năng lượng tiết kiệm hằng năm (kWh) nhờ cải thiện hiệu quả năng lượng trong quy trình sản xuất công nghiệp; Số lượng cơ sở chuyên sản xuất các thiết bị và máy móc tiết kiệm năng lượng.

⁴³Kỹ thuật canh tác không cày xới (zero tillage) là phương pháp canh tác mà trong đó đất không bị cày, xới hoặc xáo trộn cơ học từ sau khi thu hoạch vụ trước đến khi gieo trồng vụ sau.

⁴⁴Tài chính vi mô (microfinance) là việc cung cấp các dịch vụ tài chính quy mô nhỏ (bao gồm nhưng không giới hạn cho vay, tiền gửi, bảo hiểm, dịch vụ thanh toán...) cho những đối tượng khó tiếp cận dịch vụ ngân hàng truyền thống, nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, tạo sinh kế và cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội. Đối tượng của tài chính vi mô thường là người có thu nhập thấp, hộ gia đình nghèo hoặc cận nghèo, hộ kinh doanh siêu nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ...

Dịch vụ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Lượng khí CO2 hoặc các loại khí nhà kính khác giảm thiểu được (tính bằng tấn); Tổng lượng chất thải tuyệt đối hàng năm được phân loại và/hoặc thu gom, sau đó được xử lý (bao gồm cả việc ủ phân hữu cơ) hoặc thải bỏ, tính bằng tấn/năm và tỷ lệ % so với tổng lượng chất thải; Lượng chất thải được ngăn ngừa phát sinh, giảm thiểu, tái sử dụng hoặc tái chế trước và sau khi triển khai dự án, tính bằng tỷ lệ % trên tổng lượng chất thải và/hoặc giá trị tuyệt đối (tấn/năm); Tỷ trọng vật liệu tuần hoàn được sản xuất tăng thêm, tính bằng tỷ lệ % trên tổng sản lượng vật liệu của dự án.
Các hạng mục xã hội	
Cơ sở hạ tầng xã hội cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ dân số có khả năng tiếp cận hệ thống giao thông công cộng; Số lượng hộ gia đình mới được đấu nối điện; Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động.
Tiếp cận các dịch vụ thiết yếu	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng cơ sở giáo dục cung cấp môi trường học tập hiệu quả và bảo đảm tiếp cận cho mọi đối tượng; Số lượng giáo viên được đào tạo; Mật độ giường bệnh; Số lượng trẻ em được tiêm chủng; Số người được tiếp cận với các dịch vụ tài chính, bao gồm cả tài chính vi mô⁴⁴; Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc do phụ nữ điều hành được tiếp cận với các dịch vụ tài chính.
Nhà ở xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng người được tiếp cận với nhà ở xã hội (bao gồm sở hữu, thuê hoặc thuê mua); Mức chi phí thuê nhà so với chỉ số giá thuê nhà quốc gia.
Hòa nhập kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng các khoản vay/Giá trị cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ/siêu nhỏ; Số lượng các khoản vay/Giá trị cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ/siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ;

